

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2021/DS-ST  
Ngày: 13-5-2021  
V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bền

2. Ông Lê Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Trương Tấn Thành, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946;

Địa chỉ: ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2020.

**- Bị đơn:** Bà Cao Thị E, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 143, ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**- Người làm chứng:** Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1951 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:*

Từ ngày 15/7/2017 (âm lịch) ông Đ có tham gia 03 dây hội do bà Cao Thị E làm chủ hội và đến ngày 10/4/2020 bà E tuyên bố vỡ hội.

- Hội khui ngày 15/7/2017 (âm lịch), hội 500.000 đồng, hai tuần khui một lần, gồm 148 phần, 74 lần khui mỗi lần hốt 02 phần. Ông Đ tham gia 05 phần, hốt 02 phần còn thiếu bà E 08 kỳ đóng hội chết với số tiền 8.000.000 đồng (02 x 8 x 500.000 đồng=8.000.000 đồng). Còn 03 phần hội đóng được 66 kỳ với số tiền 63.360.000 đồng.

- Hội khui ngày 10/3/2019 (âm lịch), hội 500.000 đồng, hai tuần khui một lần, gồm 296 phần, 74 kỳ khui, mỗi kỳ 04 phần được hốt. Ông Đ tham gia 03 phần, đóng được 26 kỳ, mỗi kỳ đóng (320.000 đồng x 3 =960.000 đồng) với số tiền 24.960.000 đồng.

- Hội khui ngày 05/8/2019 (âm lịch), hội 500.000 đồng, hai tuần khui một lần, gồm 240 phần, 80 kỳ khui, mỗi kỳ khui 03 phần được hốt. Ông Đ tham gia 02 phần, đóng được 16 kỳ với số tiền 10.240.000 đồng (16 x 02 x 320.000 đồng= 10.240.000 đồng).

Như vậy tổng cộng bà Cao Thị E nợ ông Đ trong 03 dây hội là 98.560.000đồng. Cấn trừ 8.000.000 đồng hội chết ông Đ còn nợ bà E nên bà E còn nợ ông Đ 90.560.000 đồng. Nay ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị E phải trả lại cho ông Đ số tiền nợ hội gốc là 90.560.000 đồng (Chín mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

*Bị đơn:* dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có bản tự khai.

*Người làm chứng:* Bà Huỳnh Thị A có đơn xin vắng mặt và có bản tự khai trình bày: Ông Đ tên thường gọi 2 Đầu có tham gia chơi hội chung 03 dây hội với bà.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai, không có lý do chính đáng hoặc trở ngại

khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật. Bà Cao Thị E có hộ khẩu tại ấp TB, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên ông Đ khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng góp hui” được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu bà Cao Thị E phải trả số tiền nợ hui gốc là 90.560.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét, nguyên đơn có cung cấp 02 Biên nhận hui (Ghi bằng giấy lịch) nội dung tổng cộng 90.560.000 đồng. Bà Cao Thị E đã được tổng đạt đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và toàn bộ các tài liệu chứng cứ kèm theo, trong đó có 02 Biên nhận hui, Đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú, Đơn xin xác nhận tên thường gọi với nội dung “Nguyễn Văn Đ tên thường gọi là 2 Đẩu”. Bà Huỳnh Thị A là người làm chứng cho rằng có chơi chung hui với ông Đ, nhiều lần bà có khui hui chung với ông Đ, khi bà E viết biên nhận nợ hui (giấy lịch) cho ông Đ thì bà có chứng kiến. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định các tình tiết nêu trên là có thật.

Xét số tiền ông Đ yêu cầu bà E phải trả là 90.560.000 đồng, xuất phát từ số tiền phải thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng góp hui do bà E làm chủ và ông Đ là hui viên. Ông Đ tham gia chơi hui và đóng hui sống đầy đủ, ông đã đóng số tiền hui vốn gốc tổng cộng là 98.560.000 đồng trừ 8.000.000 đồng hui chết nên bà E còn nợ tiền hui gốc tổng cộng là 90.560.000 đồng. Bà E là chủ hui nên có nghĩa vụ gom tiền hui viên đã hốt để giao cho ông Đ khi ông Đ hốt hui hay khi hui không còn mở nữa. Khi 03 dây hui đều chưa mãn nhưng bà E đã tuyên bố chấm dứt các dây hui từ tháng 5/2020, có làm biên nhận nợ hui (BL26,27). Sau khi làm biên nhận nợ hui đến nay bà E không trả khoản nào cho ông Đ mà bỏ đi làm ăn nơi khác là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hui theo quy định tại Điều 11, Điều 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hui, bêu, phường nên ông Đ khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu bà E trả tiền hui gốc còn nợ.

[4] Về lãi trên số tiền nợ hui gốc 90.560.000 đồng, ông Đ không yêu cầu tính lãi nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Ông Nguyễn Văn Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền

tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 166, Điều 471 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 11, 15, 16, 17, 18 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về hộ, hội, bêu, phường.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ

Buộc bà Cao Thị E có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền hội gốc còn nợ là 90.560.000 đồng (Chín mươi triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Đ về việc không yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ hội gốc là 90.560.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Cao Thị E phải chịu 4.528.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ  
Đỗ Thị Hồng Quyên**